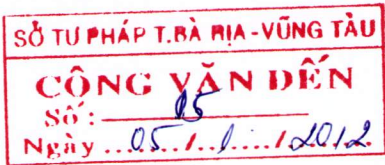


Số: 75 /2011/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính Quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Xét đề nghị của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài chính tại tờ trình số 317/TTLS-NN&PTNT-TC ngày 28/11/2011 về việc đề nghị ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo và đề xuất ý kiến gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính được hướng dẫn theo thẩm quyền và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra Văn bản);
 - Bộ Tài chính (vụ Pháp chế);
 - Website Chính phủ;
 - TTr TU, TTr HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - CT, PCT và các ủy viên UBND tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh,
 - Sở Tư pháp;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thị, thành phố;
 - Đài PTTH tỉnh, Báo BRVT;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Lưu VT-TH.
- S2 01/12/2011 N12 (55)

Trần Ngọc Thới

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUY ĐỊNH

**Về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 75./2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm
2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng và nguyên tắc hỗ trợ:

1. Phạm vi áp dụng

a) Các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây hại trực tiếp đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản được hưởng chính sách hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản được áp dụng theo Điều 1 Thông tư 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 187/1010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Loại thiên tai gây thiệt hại trực tiếp đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản : bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Loại dịch hại, dịch bệnh nguy hiểm đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản

+ Loại dịch hại nguy hiểm đối với cây trồng, gồm: rầy nâu; bệnh vàng lùn, lùn sọc đen, lùn xoắn lá; bệnh chổi cỏ mía; chổi rồng.

+ Loại dịch bệnh nguy hiểm đối với vật nuôi, gồm: bệnh Cúm gia cầm, bệnh Lở mồm long móng, bệnh Tai xanh ở lợn.

+ Loại dịch bệnh nguy hiểm đối với nuôi trồng thủy sản, gồm: bệnh Đốm trắng đối với tôm sú, tôm chân trắng; bệnh Hội chứng Taura đối với tôm chân trắng, bệnh Đầu vàng đối với tôm sú, tôm chân trắng.

b) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được xác định để làm căn cứ hỗ trợ, gồm:

- Đối với thiên tai: số lượng gia súc, gia cầm bị chết; diện tích nuôi trồng thủy sản, hải sản bị chết; bị phá hủy do thiên tai; diện tích cây trồng bị chết, bị mất trắng.

- Đối với dịch bệnh nguy hiểm: số lượng gia súc, gia cầm bị tiêu hủy; diện tích nuôi trồng thủy sản, hải sản bị chết; diện tích cây trồng bắt buộc tiêu hủy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Thời gian hỗ trợ:

- Đối với thiên tai: kể từ ngày thiên tai xảy ra trên từng địa bàn cụ thể theo quyết định công bố loại thiên tai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối với dịch bệnh nguy hiểm: kể từ ngày có quyết định công bố dịch trên địa bàn đến khi có quyết định công bố hết dịch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ nông dân, ngư dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

Theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ rủi ro cùng người sản xuất khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

b) Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con.

c) Giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản phải đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương.

d) Công khai, minh bạch, đúng đối tượng, định mức.

Điều 2. Mức Hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với diện tích cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên:

a) Thiệt hại do thiên tai:

- Diện tích gieo cấy lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 500.000 đồng/ha;

- Diện tích gieo cấy lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 750.000 đồng/ha;

- Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 500.000 đồng/ha;

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại hơn 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

b) Thiệt hại do dịch bệnh

Dịch bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa.

2. Hỗ trợ đối với vật nuôi:

a) Thiệt hại do thiên tai: cứ thiệt hại 1 con vật nuôi (kể cả vật nuôi thương phẩm và con giống) được hỗ trợ kinh phí để mua 1 con giống khôi phục sản xuất với mức sau:

- Lợn hỗ trợ 500.000 đồng/con giống;
- Trâu, bò, ngựa hỗ trợ 2.000.000 đồng/con giống;
- Hươu, nai, cừu, dê hỗ trợ: 1.000.000 đồng/con giống;
- Gia cầm hỗ trợ 15.000 đồng/con giống.

b) Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại: Quyết định số 719/QĐ- TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 719/QĐ- TTg ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và các văn bản pháp luật có liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

3. Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy, hải sản bị thiệt hại từ 30% trở lên:

a) Hỗ trợ đối với diện tích nuôi trồng thủy, hải sản:

- Bị thiệt hại trên 70% : Đối với hình thức nuôi quảng canh hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; đối với hình thức nuôi quảng canh cải tiến và bán thâm canh hỗ trợ 4.000.000 đồng/ ha; đối với hình thức nuôi thâm canh hỗ trợ 5.000.000 đồng/ ha.

- Thiệt hại từ 30 – 70%, đối với hình thức nuôi quảng canh hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha; đối với hình thức nuôi quảng canh cải tiến và bán thâm canh hỗ trợ 2.000.000 đồng/ ha; đối với hình thức nuôi thâm canh hỗ trợ 3.000.000 đồng/ ha

b) Thiệt hại đối với lồng, bè nuôi trồng:

- Thiệt hại từ trên 70% - 80%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/100 m³ lồng ; thiệt hại từ trên 80% - 90%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/100 m³ lồng ; thiệt hại trên 90 %, hỗ trợ 5.000.000 đồng/100 m³ lồng

- Thiệt hại từ 30 – 40%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/100 m³ lồng ; thiệt hại từ trên 40% - 50%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/100 m³ lồng ; thiệt hại từ trên 50% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/100 m³ lồng.

4. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thì mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ bằng tiền được quy đổi theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 3. Công bố thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hưởng chính sách hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản

1. Thiên tai

a) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện): trong vòng 03 ngày sau khi xảy ra thiên tai, UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình thiên tai, vùng bị thiên tai, số hộ, diện tích (đối với cây trồng, nuôi trồng thủy sản), số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại và mức độ thiệt hại và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố loại thiên tai trên phạm vi địa bàn bị thiệt hại (đơn vị xã, phường, thị trấn) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: xác minh, thẩm định báo cáo và đề nghị công bố thiên tai của UBND cấp huyện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố loại thiên tai cụ thể trên từng địa bàn.

2. Dịch bệnh nguy hiểm đối với cây trồng, vật nuôi

a) Đối với cây trồng:

Thực hiện theo Quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001.

b) Đối với vật nuôi:

Thực hiện theo Quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh Thú y năm 2004.

Điều 4. Thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại và quyết định hỗ trợ thiệt hại đối với thiên tai, dịch bệnh, dịch hại nguy hiểm.

1. Thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại

a) Cùng lúc báo cáo và đề nghị công bố thiên tai, dịch bệnh, dịch hại nguy hiểm, UBND các huyện, thị xã, thành phố thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá thiệt hại do Trùng, hoặc Phó Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố làm trưởng ban, các phòng, ban có liên quan của huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn là thành viên để tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại cụ thể của từng hộ bị thiệt hại.

b) Đồng thời việc thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá thiệt hại, UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thông báo cho

nhân dân trong vùng công bố thiên tai tự kê khai quy mô sản xuất và mức độ thiệt hại. Thời gian kê khai thiệt hại trong vòng 05 ngày kể từ ngày UBND xã, phường thông báo (theo mẫu kê khai tại phụ lục 1).

c) UBND các xã phường, thị trấn tổng hợp kê khai của các hộ bị thiệt hại báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố và đoàn kiểm tra, đánh giá thiệt hại để tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trong thời gian đi thực địa để kiểm tra, tiếp tục tiếp nhận bổ sung kê khai của hộ thiệt hại trong vùng công bố thiên tai (theo mẫu tổng hợp tại phụ lục 2).

d) Kết thúc kiểm tra từng vùng thiệt hại, đoàn kiểm tra họp có biên bản thống nhất đánh giá mức độ thiệt hại cụ thể của từng hộ bị thiệt hại, tổng hợp lập bảng kê thiệt hại của từng thôn và toàn xã có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn và các phòng, ban trong đoàn kiểm tra, báo cáo và đề nghị UBND huyện, thành phố, thị xã quyết định chi hỗ trợ (theo mẫu tại phụ lục số 3).

2. Quyết định hỗ trợ và tổ chức chi hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

a) UBND các huyện, thị, xã thành phố:

Căn cứ báo cáo đánh giá thiệt hại và bảng kê thiệt hại của đoàn kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nông dân, ngư dân, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã bị thiệt hại trong vùng công bố thiên tai, dịch bệnh và chỉ đạo tổ chức giám sát việc chi hỗ trợ của UBND các xã, phường, thị trấn.

b) UBND xã, phường, thị trấn: trong vòng 07 ngày, kể từ ngày nhận quyết định chi hỗ trợ của UBND huyện, thị, thành phố tổ chức niêm yết, công khai quyết định tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn và các thôn bản theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư. Sau 07 ngày niêm yết công khai quyết định chi hỗ trợ của UBND huyện, thị, thành phố, nếu không có khiếu nại của nhân dân thì UBND xã, phường, thị trấn trong vùng công bố thiên tai tổ chức chi hỗ trợ cho hộ bị thiệt hại. Đối với trường hợp những hộ có khiếu nại thì không chi, chờ xác minh làm rõ, tiếp tục công khai lại trong thời gian 03 ngày, nếu không còn khiếu nại thì chi hỗ trợ.

3. Nguồn và cơ chế vốn chi hỗ trợ:

UBND cấp huyện chủ động sử dụng nguồn ngân sách huyện và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo Quy định tại Quyết định này;

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện 70% mức hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản;

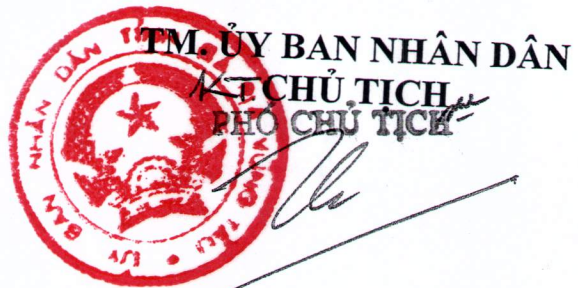
Đối với các huyện có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần ngân sách huyện bảo đảm vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách huyện được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá 50% dự phòng ngân sách huyện để các huyện có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 5. Chế độ báo cáo

1. UBND cấp huyện: Sau 15 ngày kể từ khi kết thúc chi hỗ trợ, UBND cấp huyện báo cáo kết quả hỗ trợ giống khôi phục sản xuất do thiên tai, dịch bệnh, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (theo mẫu tại phụ lục số 4, 5, 6, 7).

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh hoặc cuối năm, chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả hỗ trợ giống khôi phục sản xuất để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm: Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh hoặc cuối năm, tổng hợp kết quả thực chi về hỗ trợ giống khôi phục sản xuất do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan, tham mưu UBND Tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hàng năm cho ngân sách tỉnh./.



Trần Ngọc Thới

Phụ lục 1

PHIẾU KÊ KHAI THIỆT HẠI

do thiên tai ngàytháng.....năm 201...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ/UBND ngày 30 tháng 12/ năm 2011 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

Họ và tên chủ hộ (tổ chức):.....

Địa chỉ cư trú:..... Số điện thoại.....

Nơi sản xuất bị thiệt hại (xứ đồng, vị trí , vùng bị xảy ra thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm).....

1. Sản xuất trồng trọt:

- Đất trồng trọt.....ha. Loại cây trồng:.....

- Tỷ lệ thiệt hại.....%.

2. Chăn nuôi:

- DT chuồng trại.....ha.

- Loại vật nuôi (heo, bò, gà, vịt.....):.....

- Thiệt hại (số lượng loại vật nuôi bị chết) :.....con.

- Thời gian chăn nuôi.....tháng.

- Trọng lượng bình quân.....kg/con.

3. Thủy sản:

- Hình thức nuôi:

- Diện tích nuôi trồng thủy sản.....ha; Hoặc m³ lồng .

- Thiệt hại do.....

- Tỷ lệ thiệt hại : Diện tích nuôi.....%; lồng, bè%.

- Số lượng giống thủy sản thả nuôi.....

- Thời gian nuôi :..... tháng.

- Tỷ lệ thiệt hại vật chất.....%,

- Tổng giá trị thiệt hại:.....triệu đồng.

.....ngàytháng.....năm 201.....
CHỦ HỘ, ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KÊ KHAI
(ký và ghi rõ họ tên)

Phiếu này gửi đến UBND xã

.....
nơi quản lý vùng xảy ra thiên tai

Phụ lục IV

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....

TỔNG HỢP THỐNG KÊ HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

STT	Chi tiêu	Số hộ bị thiệt hại (hộ)	Tổng hợp thiệt hại										Kinh phí hỗ trợ giống					
			Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích thiệt hại hơn 70%					Diện tích thiệt hại từ 30% - 70%					Tổng trợ theo Điều 3 (*) (tr.đ)	Trong đó			
				Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)		NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
	Tổng số																	
1	Xã A																	
2	Xã B																	
3	Xã C																	
4																	
...																		

Ghi chú

(*): Điều 3 Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ

TM.UBND huyện, thị xã, thành phố...
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....

TỔNG HỢP THỐNG KÊ HỖ TRỢ GIỐNG VẬT NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Số hộ bị thiệt hại (hộ)	Tổng hợp thiệt hại					Kinh phí hỗ trợ giống			
			Tổng giá trị thiệt hại (tr.d)	Gia cầm (con)	Heo (con)	Trâu, bò, ngựa (con)	Hươu, nai, cừu, dê (con)	Tổng NSNN hỗ trợ theo Điều 3 (*) (tr.d)	Trong đó		
									NSTW hỗ trợ (tr.d)	NSDP đảm bảo (tr.d)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền
	Tổng số										
1	Xã A										
2	Xã B										
3	Xã C										
4										
...											

Ghi chú

(*): Điều 3 Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ

TM.UBND huyện, thị xã, thành phố...

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....

TỔNG HỢP THỐNG KÊ HỖ TRỢ GIỐNG THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

STT	Chi tiêu	Số hộ bị thiệt hại (hộ)	Tổng hợp thiệt hại				Kinh phí hỗ trợ giống					
			Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích thiệt hại hơn 70%		Diện tích thiệt hại từ 30% - 70%		Tổng NSNN hỗ trợ theo Điều 3 (*) (tr.đ)	Trong đó			
				Diện tích nuôi trồng (ha)	Lồng, bè nuôi trồng 100m ³ lồng	Diện tích nuôi trồng (ha)	Lồng, bè nuôi trồng 100m ³ lồng		NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
	Tổng số											
1	Xã A											
2	Xã B											
3	Xã C											
4											
...												

Ghi chú

(*): Điều 3 Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ

TM.UBND huyện, thị xã, thành phố...

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VII

UBND HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ....

TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÃ CHI HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI (ĐẾN THỜI ĐIỂM BÁO CÁO)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số tiền hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó			Ghi chú Quyết định hỗ trợ kinh phí (Số QĐ, ngày, tháng, năm)
			Giống cây trồng	Giống vật nuôi	Giống Thủy, hải sản	
	Tổng số					
1	Xã A					
2	Xã B					
3	Xã C					
4					
...						

TM.UBND huyện, thị xã, thành phố...
(Ký tên, đóng dấu)